

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5

(Phần Hạ)

Phần Biệt thí: Từ: “Trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy” trở xuống, là Biệt thí (chi tiết) chia làm bốn phần:

1. “Trưởng giả thấy lửa” là dụ cho Phật thấy ngũ trước. “Xá-lợi-phất nên biết, Ta dùng mắt Phật xem” trở xuống, bốn hàng kệ ở phẩm Phương Tiện bên trên làm căn bản.

2. “Bỏ ghế, dùng xe” là dụ cho bên trên nói: đức Thích-ca vì chúng sinh đời ngũ trước mà thôi. Đại thiết lập Tiểu. “Xưa ta ngồi đạo tràng” trở xuống, mười bảy hàng rưỡi kệ bên trên làm căn bản.

3. “Đồng ban xe lớn cho các con” là dụ cho trên đức Thích-ca chỉ bày tướng chân thật. “Ta thấy các Phật tử, chí quyết cầu Phật đạo” trở xuống, sáu hàng kệ bên trên làm căn bản.

4. “Trưởng giả không nói dối gạt” là dụ cho “Ta là vua các pháp” trở xuống, hai hàng rưỡi kệ bên trên làm căn bản.

Phần một: “Trưởng giả thấy lửa” văn kia có bốn, ý kia chỉ có ba. Văn có bốn là: Một, năng kiến. Hai, sở kiến. Ba, sợ hãi. Bốn, rộng nêu sở kiến trên.

Nhưng thành ba ý:

1. “Trưởng giả thấy” là nêu ra năng kiến dụ cho trên nói: “Ta dùng Phật nhãn xem thấy”. “Lửa từ bốn phía nhà bốc cháy” là nêu ra sở kiến dụ cho trên nói: “thấy sáu đường chúng sinh”. “Liền rất sợ hãi”, dụ cho trên nói “vì chúng sinh nên khởi tâm đại bi”. “Nhưng các con ở trong nhà lửa”... rộng nêu ý thứ hai cảnh sở kiến là lửa, văn giải thích thành nghĩa sợ hãi. “Thân, thọ, tâm, pháp” tức “bốn phía nhà”, từ bốn phía khởi tứ đảo: Tịnh, Lạc v.v..., lửa tám khổ, các khổ đều nhóm tập. Nếu biết thân bất tịnh khổ vô thường, thì lửa phiền não diệt. Xưa có ba ý giải thích “Bốn phía nhà”: 1. Bốn đại làm bốn phía nhà, sáu thức đều gửi trong đó.

2. Tức Tứ sinh.

3. Gọi là Tứ đảo. Y văn dưới thì lấy “sinh, lão, bệnh, tử” làm “bốn phía nhà”. “Liên rất kinh sợ” là nghĩ đến chúng thối tâm thiện Đại cho nên kinh, lo chúng sẽ khởi thêm ác cho nên sợ. “Kinh” đi đôi với tâm từ, nghĩ đến chúng không vui, “Sợ” đi đôi với tâm Bi, lo chúng sẽ khổ. “Nên nghĩ: Ta mặc dù có thể ở nơi cửa của nhà cháy này, ra ngoài được an ổn”, tức là giải thích thành nghĩa kinh sợ do từ bi. Tuy nhiên lời nói thì chưa hết. Nêu rõ Phật dùng sức trí tuệ tìm được chánh giáo, kiến đế sở thuyên, không bị ngũ trước bát khổ làm nguy hại, cho nên gọi là “an”, cuồng phong Tứ đảo không làm động được, cho nên gọi là “ổn”, ung dung ở ngoài sự trói buộc nên gọi là “ra ngoài được”, nhưng chúng sinh thì không như vậy mà bị lửa thiêu đốt, Như Lai từ bi còn bị lửa lo (ưu) thiêu đốt, cho nên nói “mặc dù”.

Kinh nói: “từ nơi cửa của nhà cháy này”, nay hỏi: Nếu lấy giáo làm môn (cửa), thì giáo này là bị thiêu hay không thiêu? Cứu xét đáp: Giáo môn không bị thiêu vì Phật giáo làm môn. Vì cửa là năng thông người bị thiêu, và sở thông là người bị thiêu, gọi là cửa năng thông là cửa bị thiêu. Như trong cửa có người chết, thì gọi là cửa bị suy tàn thật ra cửa không bị suy tàn.

Lại hỏi: Nếu như vậy thì giáo là thường trụ, chẳng phải pháp hữu vi. Nếu không như vậy thì cơ sao không bị thiêu? Nay giải thích không như vậy. Luận về cửa là có phân biệt có không, chẳng phải phân biệt cái “Không có gì” để chỉ cho cửa. Chẳng phải là Không, không có gì thì coi như thông tông thú. Phân biệt thì có thể là tro tàn, cái Không thì không thể thiêu đốt. Giáo thì có năng thuyên sở thuyên. Nếu chẳng thuyên giảng rõ ràng, thì không lấy làm giáo. Nếu chẳng có sở thuyên thì lấy gì để ra khỏi nhà lửa? Thuyên giảng có thể là vô thường, sở thuyên chẳng phải vô thường nữa. Vì đặc sở thuyên trong giáo, nên gọi là “ra ngoài được an ổn”. Năng thuyên phai nhạt cho nên nói “cửa bị thiêu”. Không từ cửa bị thiêu thì do đâu mà ra ngoài được an ổn, như nhờ vào ngôn giáo mà khế hợp với sở thuyên. Đại Kinh nói: “Nhân vô thường cho nên quả là thường”. Như đây giải thích thì như kinh nói “ở nơi cửa của nhà bị cháy”, là như tiểu thừa vô thường giáo môn, đây là từ cửa bị thiêu mà ra ngoài. Nếu Đại thừa thường trú giáo môn, thì văn tự tức giải thoát, giáo đây tức lý, thể nghiệm thấu đạt được thiêu không thiêu mà ra ngoài an ổn. Nếu căn cứ Quyền trí của Như Lai, thì là từ cửa của nhà bị cháy ra ngoài. Nếu căn cứ Thật trí, thì ở ngay trong nhà bị cháy mà ra ngoài an ổn. Cho nên, trước dùng vạt áo hoặc dùng cái bàn cái ghế mà ra ngoài không được, sau dùng vô thường mà ra, tức ý

đây vậy.

“Ưu vui chơi giỡn (lạc trước hy hý)”, đắm chấp gọi là “hy”, đắm ưa gọi là “hý”, đam mê tứ kiến gọi “hy”, bỏ công sức kia gọi là “hý”, ưa đắm cũng như vậy. Ham vui ngũ trần gọi là “hy”, trống không, không thấu hoạch được gì, gọi là “hý”. Sống không, chết uổng, mà không nhằm chán thì như những đứa trẻ kia ham vui. “Không hay không biết” (bất giác bất tri), đều không nói có lửa thì gọi là “bất giác”, không biết lửa nóng thì gọi là “bất tri”. Đã không biết lửa cháy nóng, không sợ tổn thương thân gọi là “không kinh”, không lo mất mạng gọi là “không sợ (bất bố)”. Chúng sinh hoàn toàn không biết năm ấm tám khổ, không biết bốn đảo ba độc. Đã không biết Hoặc, thì vì sao lo lắng? Hoặc xâm tổn pháp thân, tổn thương tuệ mạng. Như vậy bất giác đối với Khổ, bất tri đối với Tập, không kinh tổn thương Đạo, không sợ mất Diệt, bởi vì không nghe giáo Tứ đế cho nên không có Văn tuệ, gọi là “bất giác”. Không được Tư tuệ, gọi là “bất tri”. Không được Kiến giải, gọi là “bất giác”. Không được Tư duy giải, gọi là “bất tri”. Kiến đế thì kinh ngạc và ngộ, Tư duy thì chán, sợ. Lại, bất giác thì hiện tại khổ, bất tri thì vị lai khổ. Cho nên văn dưới nói: “Hiện tại thọ các khổ, về sau thọ các khổ ở địa ngục”, tức là nghĩa đây. “Bức thân” là năm thức, Tâm là ý thức, tâm vương. Thân bị tám khổ bức bách mà tâm không nhằm chán phiền não. Cũng gọi là đã từng gieo giống Đại thừa công đức, chính pháp thân thí tuệ làm thể. Thân thể đảo bức bách mà không hay không biết. “Lòng chẳng nhằm lo”, không nhằm cái Khổ do vô thường, không lo Tập nhân phiền não. “Không có ý cầu ra khỏi” là không tu Đạo cầu Diệt. Nay nói lấy Nhà lửa làm gốc thí dụ năm trước. Hy (nô đùa) dụ cho Kiến trước. Hý (chơi giỡn) dụ cho Phiền não trước. “Bất giác bất tri bất kinh bất bố” là dụ cho Chúng sinh trước. “Lửa đến làm bức thân khổ thống thiết” là dụ cho Mạng trước. “Lòng chẳng nhằm lo không có ý cầu ra khỏi” là dụ Kiếp trước. Đây cùng năm trước tương đương.

Từ “Trưởng giả ấy lại nghĩ rằng” trở xuống là thí dụ bỏ ghế dùng xe, dụ cho phần trên nói “thôi Đại thiết lập Tiểu”, có sáu hàng rưỡi nêu rõ dự định dùng Đại không được, mười một hàng sau nói dùng Tiểu nghĩ được. Phần “Không được” bên trên có ba:

1. Tư duy Đại dự định thích hợp.
2. Không có căn cơ.
3. Thôi hóa độ.

Nay thí dụ chia làm hai: dùng Khuyến môn dự định thích hợp và dùng Giới môn dự định thích hợp. Khuyến và Giới mỗi phần có ba:

1. Dự định thích hợp.
 2. Không thọ.
 3. Buông bỏ.
- Khuyến môn có ba:

1. Từ: “Trường giả đó lại nghĩ: Thân và tay của ta có sức mạnh” trở xuống, dụ cho phần trên nói: Phật nghĩ dùng Đại thừa giáo hóa “Trong hai mươi mốt ngày, Suy nghĩ tư duy việc như vậy”.

2. Từ “Ông lại nghĩ” trở xuống: là nêu con không nhận được, dụ cho bên trên nói: không căn cơ, “chúng sinh các căn độn, Làm sao mà độ đặng?”.

3. Từ “hoặc vấp ngã bị lửa đốt cháy” trở xuống là buông bỏ, khéo dễ dàng, dụ cho bên trên nói: chúng sinh không căn cơ, “Ta thà không thuyết pháp, Mau vào cõi Niết-bàn”.

“Trường giả lại suy nghĩ” dụ cho bên trên nói: “Trong hai mươi mốt ngày tư duy”. “Thân tay v.v...” là dẫn dưới hợp thí nói chỉ dùng thần lực và trí tuệ lực để giải thích thí dụ này. “Thân” là dụ cho thần thông gánh vác phụ giúp, “tay” dụ cho trí tuệ nâng nhắc. Nương theo Tam-muội, Đoạn đức thì có thần thông. Nương theo trí tuệ, Trí đức thì có thuyết pháp. Lực của Trí đức và Đoạn đức, có thể thành tựu pháp thân. Trí, Đoạn đây lại từ hai môn Khuyến, Giới mà nhập. Khuyến tức Vị nhân Tất-đàn. Giới tức Đối trị Tất-đàn. Hai Tất-đàn này vì Độ nhất nghĩa Tất-đàn mà làm phương tiện. Đức Như Lai ban đầu dự tính muốn dùng pháp môn khuyến nhũ, nghĩ là hợp căn cơ chúng sinh, khiến cho phụng hành các Thiện, thành tựu Thập lực, Vô úy, Nhất thiết chủng trí, mà chúng sinh không thể kham nổi, tiếp đến muốn dùng giới môn (răn bảo) nghĩ là thích hợp, khiến đừng làm các điều ác, chứng Đại Niết-bàn. Bởi chúng sinh không có căn cơ, không thể kham nổi, nên Phật mới nghĩ đến thôi hóa độ. Cho nên, biết niệm dụng Đại thừa chỉ là Khuyến Giới, hai thứ Tất-đàn, thần thông Trí Đoạn đó thôi. Văn trên nói: “Định tuệ lực trang nghiêm, Dùng đó, độ chúng sinh”, tức nghĩa ấy vậy.

Phần trước tán thán trường giả tuổi đã già suy, tức dụ cho Trí Đoạn. Trí Đoạn tức sức lực của tay và thân. “Vạt áo, bàn, ghế”, theo Tam Tạng Pháp Sư thì: “vạt áo” là vật dụng của người ngoại quốc dùng để đựng hoa dâng lễ bậc quý nhân. Xưa nói: “Vạt áo” là dụ cho nhân Đại thừa, “bàn ghế” là dụ cho quả Đại thừa. Ban đầu định dùng nhân quả Đại thừa nhưng không có căn cơ. Xưa lại nói: Đó thực chất dụ cho Đại thừa Giới Định Tuệ, tức là: Tuần đầu, tư duy pháp mà Phật đã

chứng đắc, đây như là dùng “vạt áo”. Tuần thứ hai, tư duy căn duyên của chúng sinh, như dùng “ghế”. Tuần thứ ba, tư duy ân của cây của đất, như dùng “bàn”. Nghĩa này rút ra từ Kinh A-hàm. Nay dùng văn hợp với thí dụ: Nếu ta chỉ dùng thần lực và trí tuệ lực, tán thán tri kiến lực Vô-sở-úy của Như Lai, thì chúng sinh không thể do đó mà được độ. Thần lực tức là “thần”, trí tuệ lực tức là “tay”. Như trước đã nói Tri kiến ví như “vạt áo”, Vô úy ví như “ghế”, Thập lực ví như “bàn”. Đức Như Lai dùng thần thông phát động ba pháp này, dùng trí tuệ tuyên thuyết ba pháp này, mà người không có căn cơ cho nên thôi không hóa độ. “Vạt áo, ghế, bàn” tùy nói lược, trung bình, rộng mà có nghĩa khác nhau! Lược thuyết gọi là Như Lai tri kiến, thì “tri” tức Nhất thiết chủng trí, “kiến” tức Phật nhãn. Tên gọi thì lược mà nghĩa huyền diệu, thí như “vạt áo”, một mảnh đủ chứa đựng nhiều. Nói trung bình, thì gọi là Vô sở úy, dùng nhắm vào Tứ đế như “ghế”, đối với pháp thì rộng ít, đối với người thì được an ổn ít. Nói rộng, thì gọi là Thập lực, ngang dọc bao quát như bàn nhiều chân thì không bị nghiêng úp, đối với pháp thì rộng, người thì đại an ổn. Trong ba tuần tư duy muốn nói Phật pháp rộng lược như vậy, nhưng chúng sinh không kham nổi, cho nên nói Trưởng giả dùng vạt áo, ghế, bàn.

“Ông lại nghĩ” trở xuống, nêu con không thọ chịu, thí dụ này hợp với tụng bên trên nói: chúng sinh không căn cơ. “Nhà này chỉ có một cửa mà lại chật hẹp”, “cửa” nghĩa như trên đã nói, nay lại nêu hai ý theo Biệt giáo và Thông giáo. Biệt, “một” nghĩa là lý Nhất, “một cửa” đạo thanh tịnh nghĩa là chánh giáo, thông cái đáng thông. “Nhỏ hẹp” nghĩa là không chứa Đoạn Thường bảy thứ phương tiện... Giáo lý rộng lớn thì chẳng phải hẹp nhỏ. Chúng sinh không thể dùng giáo lý đây mà tự thông suốt. Muốn nói hạng không có căn cơ, cho nên nói “hẹp nhỏ”. Theo Thông giáo, lý thuần không có lẫn lộn cho nên nói “nhất”, tức lý năng thông cho nên nói “môn”, vi diệu khó biết cho nên nói “hẹp nhỏ”. Giáo là tìm kỹ khắp mười phương hoàn toàn không có thừa nào khác, chỉ một Phật thừa cho nên nói “nhất”. Giáo này năng thông, cho nên nói “môn”. Giáo này vi diệu, hàng phàm phu không thể biết được xuất xứ, đó là không biết Quyền, không biết nơi nhập, tức là không biết Thật. Hàng có nhân nhị thừa thì nghe Tiểu biết xuất yếu nên vĩnh viễn không biết nhập. Hàng Bồ-tát tuy tự biết ra mà không biết vào. Đoạn thất phương tiện đều không biết ra, vào. Văn trên nói: Nếu ta tán thán Phật thừa thì chúng sinh chìm nơi khổ, không thể dùng giáo để tự thông, nên đem thí dụ này nói về chúng sinh không có căn cơ cho

nên nói “hẹp nhỏ”. Hành là tự hành nhân viên mãn, như đi con đường rộng lớn ngay thẳng khỏi gặp chướng nạn cho nên gọi là “nhất”, khéo hành Bồ-tát đạo thẳng đến đạo tràng cho nên gọi là “môn”. Diệu hạnh khó hành phương tiện, không căn cơ cho nên nói “hẹp nhỏ”. Xưa giải thích: hàng Nhân thiên thân thiện Tiểu thừa, cho nên nói “ấu trĩ” (thơ bé), không thân thiện Đại thừa gọi là “chưa có hiểu biết”. Nay nêu hai vạn đức Phật dạy vô thượng đạo, vì Đại thừa thiện căn còn yếu kém gọi là “ấu trĩ” (thơ bé), nếu nghe Đại thừa thì sinh tâm hủy báng, gọi là “chưa có hiểu biết”. “Mê đắm chơi giỡn”, trước đã nêu thiện còn yếu, nay nêu các ác mạnh. Tức là khi ở nhân thì đắm sâu các kiến ái, ở quả thì đắm sâu y báo chánh báo. Ở Dục Giới thì đắm lục trần. Ở Sắc Giới thì đắm chấp thiền vị. Ở Vô sắc Giới thì đắm chấp định. Văn trên nói: Chúng sinh các căn độn, mê đắm ngu si mù quáng, không kham nghe Đại thừa.

“Hoặc sẽ vấp ngã bị lửa thiêu cháy”, chỉ hai câu này gọi là buông bỏ lời dẫn dụ khéo.

“Vấp ngã” (Đọa lạc) có hai:

1. Trẻ thơ nhớ chỗ vui cũ, cho nên “vấp ngã”.

2. Điều không hiểu biết, giữ vật không kiên cố, cho nên “vấp ngã”.

Ví như đắm chấp ngũ dục, cho nên vấp ngã trong tam đồ. Hoặc là thiện yếu, không hiểu biết nên hủy báng Đại thừa, đọa lạc tam đồ.

Từ “Ta nên vì các con mà nói những việc đáng sợ” trở xuống là dùng Giới môn, đối trị môn chia làm ba phần:

Nghĩ rằng thích hợp với đối trị, răn bảo sợ hãi khiến ra. Tương đối trị như trong Đại Phẩm nói. Tứ niệm là Ma-ha-diễn, do bất khả đắc nên khác đối với Tiểu thừa. Đã ham đắm chỗ vui chơi, nói việc sợ hãi khiến cho họ được thoát khỏi ngũ trước, lửa thiêu nhà ngũ ấm, cần phải xa lìa. Nếu đắm chấp lâu, ắt đoạn thiện căn, cho nên nói “chớ để bị lửa đốt hại”. Từ “Cha đau thương xót” trở xuống, tức là răn bảo mà con không nghe theo. “Không kinh, không hãi” là không sinh Văn Tư như trên nói. Không biết năm trước tám khổ năng thiêu đốt thiện căn, ví như “không biết lửa”. Không biết các pháp ấm, giới, nhập là các dụng cụ gây khổ, ví như “không biết nhà”, không biết nguyên do tổn thất pháp thân, ví như “không biết vì sao bị tổn thất”. “Chỉ cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi”, chỉ hai câu này là buông bỏ các lời khuyên là khổ, đều quay lưng lại ánh sáng, hưởng đến chỗ tối tăm, ví như “chạy từ Đông sang Tây”, sinh tử qua lại nhanh chóng như ngựa chạy, trong đó khởi kiến ái, ví như “giỡn”. Tuy dự định dùng pháp Đại, mà chúng không theo Đại

giáo cho nên nói “nhìn cha mà thôi”.

Từ “Trưởng giả liền nghĩ nhà này bị lửa lớn đốt cháy” trở xuống, là thí dụ dùng xe, phần hợp với mười một hàng kệ bên trên nói: “Ta liền nhớ Phật quá khứ hành phương tiện lực”. Văn trên có bốn, nay thí dụ cũng có bốn:

Một, là dùng ba xe dự định dẫn dụ, hợp với kệ bên trên: “Liền nhớ Phật quá khứ, cũng nên nói ba thừa”.

Hai, là Thí dụ: “Cha biết tâm trước kia của các con, biết các thứ châu báu đồ chơi mà các con ưa thích”, hợp với bên trên kệ nói “Lúc ta nghĩ thế đó, mười phương Phật đều hiện”.

Ba, là Thí dụ Tán thán ba xe, hợp với “chánh thí tam thừa” bên trên kệ rằng: “Suy nghĩ việc đó rồi, liền đến Ba-la-nại”.

Bốn, là Thí dụ Thích hợp sở nguyện con, hợp với trên nói “thọ hành ngũ nhập, đó gọi là chuyển pháp luân”. Công Đại thừa giáo hóa là mạng của cha, đại thiện của chúng sinh là mạng của con. Đại thiện nếu tận, thì mạng con đoạn. Mạng con bị đoạn, thì công giáo hóa cũng phế bỏ, tức là mạng cha đoạn. Trước đã nói khổ thống thiết rồi nhưng chưa chết, nay nói “ắt là bị đốt cháy” tức có nghĩa chết.

Văn trên nói “nơi cửa của nhà cháy ra ngoài rất an ổn”, nay nói “nếu không ra kịp thời thì sẽ bị cháy”, nghĩa đây như thế nào? Trước nói được thoát ra an ổn, tức là pháp thân ra. Nay nói nếu không ra kịp thời, tức là ứng thân cùng nhanh chóng ra. Chúng sinh có thiện, thì cùng với ứng thân ra. Chúng sinh thiện bị đoạn, thì không cùng với ứng thân kịp thời ra, tức đều bị lửa đốt cháy. Nay muốn ứng thân thích hợp kịp thời khiến cho ra.

Từ câu: “Ta nay sẽ thiết lập phương tiện” tức muốn thi thiết quyền.

Từ “Cha biết tâm trước các con” trở xuống, là phần hai: nêu có căn cơ được độ. Những người kia xưa từng tu tập Tiểu pháp, là “biết tâm trước kia của các con”, “tánh dục không đồng” là “biết các thứ châu báu đồ chơi mà các con ưa thích”. Lại, biết chúng sinh xưa đã từng tu tập Đại thừa, nhưng chưa thuần thực, tu Đại thừa yếu đuối, nhằm chán lão bệnh tử cho nên dùng Tiểu thừa để tiếp dẫn, đó gọi là Tiểu mạnh, như Thân-tử lực tâm giữa đường thoái lui. Xưa từng tu tập theo Đại thừa, gọi là “biết tâm trước kia”. Giữa nhằm chán lão bệnh tử, gọi là “các thứ mà các con đều ưa thích”.

Từ câu “Mà bảo các con rằng” trở xuống là phần ba: Tán thán dụ ba xe hy hữu (hiếm có), hợp với trên nói “chánh chuyển pháp luân”. Đây

có ba thứ là: Khuyến chuyển, Thị chuyển và Chứng chuyển. “Những thứ đồ chơi tốt đẹp hiếm có”... là Khuyến chuyển, “Các thứ xe”... tức là Thị chuyển, “Các con ở trong nhà lửa nên mau ra, cha đều sẽ cho các con tùy ý muốn” tức là Chứng chuyển.

Từ “Lúc bấy giờ các người con nghe cha nói” trở xuống là phần bốn: Thí dụ thích hợp sở nguyện của con, hợp với trên nói “thọ thành ngộ nhập”. Kệ trước bản lược, nay thí sự rộng, rộng nêu tu nhân đến quả.

Y vào sáu câu giải thích: Một, “Vừa ý mình” dụ cho cơ giáo tương xứng, đây tức là Văn tuệ. Hai, “Dững nhuệ”(giỏi tinh tiến) tức là Tư tuệ. Tư duy tâm đồng lo nghĩ, là Tư tuệ phương tiện. Ba, “Xô đẩy lẫn nhau” Suy tìm bốn chân lý, “đẩy” lùi hàng phục kiến hoặc; Tà chánh chưa quyết, gọi là “lẫn nhau”, đây là nhập Tu tuệ, thuộc Noãn Đảnh vị. Bốn, “Đua nhau” là tranh lấy Lý thù thắng, đây là Nhẫn pháp vị tranh lấy lý thù thắng. Ban đầu quán ba mươi hai để tranh đến chân đạo, sau thắng quán đến Khổ pháp nhẫn. Năm, “Cùng” là vị Thế Đệ nhất pháp, đồng quán Nhất đế và Khổ pháp nhẫn bốn quán không sai biệt. Sáu, “Chạy nhanh”: Nhập Kiến đạo mười lăm tâm nhanh chóng kiến lý, dụ cho bên trên kệ nói: “Bèn có tiếng Niết-bàn”, trong Kiến đạo đắc Niết-bàn từng phần. “Tranh ra” là Tư duy đạo, tranh ra khỏi tam giới, thành quả vô học, đoạn tận tư duy rồi mới “ra khỏi nhà lửa”, tức dụ cho bên trên kệ nói “Cùng với A La-hán, Tền Pháp, Tăng sai khác”.

Giải thích theo Quán tâm: Trung đạo chánh quán thắng quán thật tướng, tâm pháp tương xứng gọi là “vừa ý mình” (thích hợp sở nguyện). Cảnh vô biên quán cũng vô biên, gọi là “dững”(mạnh mẽ). Đối cảnh điều tâm lạnh lợi, gọi là “nhuệ”. Tâm cảnh điều phục nhau, gọi là “xô đẩy lẫn nhau”. Tâm vương tâm sở duyên cảnh nhanh chóng, gọi là “cùng đua nhau chạy nhanh”. Thế nghiệm được khắp tất cả ấm giới nhập...thảy đều là thật tướng, gọi là “ra khỏi nhà lửa”.

“Lúc bấy giờ trưởng giả thấy các con...” là trong phần thứ ba: Biệt thí, thí dụ đồng ban xe lớn cho các con, dụ trên nói hiển tướng chân thật. Văn chia làm bốn phần:

1. Dụ cha thấy con khỏi nạn vui mừng. Văn trên (phẩm Phương tiện) nói: “Ta liền nghĩ thế này, sở dĩ Phật ra đời” đến “Nay ta vui vô úy” gồm hai hàng một câu kệ, làm cơ sở để thí dụ.

2. Thí các con đòi xe, dụ cho trên nói căn cơ Đại thừa phát. Văn trên từ “Ta thấy các Phật tử, quyết chí cầu Phật đạo, đều đem lòng cung kính, đồng đi đến chỗ Phật”, gồm hai hàng kệ làm cơ sở để thí dụ.

3. Dụ “Đồng ban xe lớn cho các con”. Ba câu kệ bên trên: “Ở trong hàng Bồ-tát, chính bỏ ngay phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng”, làm cơ sở để thí dụ.

4. Dụ “Các con được xe vui mừng”. Một kệ trên, từ “Bồ-tát nghe pháp này, đều đã trừ lười nghi”, làm cơ sở để thí dụ.

Trên trong phần Pháp thuyết, trước nêu cơ phát, tiếp nêu chướng trừ, đức Phật vui vô úy. Nay trong Thí thuyết, trước nêu thoát khỏi nạn, sau nêu xin xe. Nếu luận đủ nên dùng bốn câu:

1. Trước chướng trừ sau căn cơ phát, như bốn đại Thanh văn ở trong thời Tam tạng mọi chướng đã trừ, ở cuối thời Đại Phẩm đầu thời Pháp Hoa mới phát căn cơ Đại thừa.

2. Chướng chưa trừ, căn cơ Đại thừa phát, như trong thời Hoa Nghiêm và trong thời Pháp Hoa các chúng phàm phu đắc nhập Phật tuệ. Hai câu còn lại thì như trên đã nói. Nếu Đại cơ trước động, sau chướng trừ, thù như Phẩm Phương Tiện nói. Nếu trước trừ chướng, sau Đại cơ động, thì như nay nói. Cơ động chướng trừ hiện xen lẫn, cộng thành một ý. Lại, phẩm Phương Tiện nói “Phật vui vô úy”, phẩm này nói “các con vui mừng”, do con vui cho nên cha cũng vui, đây cũng bổ sung lẫn nhau, chung thành một ý.

Nói về sự thoát nạn, đầy đủ thì có hai nghĩa. Nghĩa là thoát nạn hoan hỷ, nếu con chưa thoát nạn thì cha rất lo buồn, nếu được thoát khỏi lửa thì tâm vui mừng, cho nên thoát nạn vui mừng được làm một ví dụ. Do con vui, nên cha cũng vui, được dụ cho Phật hoan hỷ.

“Ở giữa ngã tư đường” Xưa nói trừ bỏ bốn trước chướng thì như ở ngã tư đường thông suốt, lại trừ bỏ được một trước thì như “ngồi nơi đất trống”. Nay nói không như vậy, năm trước chỉ nêu pháp cấu uế chướng ngại, chưa luận đến trị đạo, thì không nên ví như “ở giữa ngã tư đường”. “Ngã tư đường” chính dụ cho Tứ đế, Tứ đế được xem như tên gọi khác của Tứ vệ (ngã tư). Tứ đế đồng hợp kiến đế, như đầu đường giao tiếp. Kiến hoặc tuy đã trừ, mà tư duy vẫn còn thì không gọi là ở đất trống. Tư duy dứt chúng sinh đi trong ba cõi, tư duy dứt hết thì gọi là “đất trống”. Trú quả không tiến cho nên gọi là “ngồi”, không bị trói buộc vào Kiến Tư hoặc cho nên gọi là “thư thái an nhiên”, tưởng là được diệt độ an ổn, cho nên gọi là “hoan hỷ”.

“Đều thưa với cha rằng...” trở xuống là phần hai: thí dụ các con xin xe. Văn nói: Xin ban cho chúng con ba thứ xe báu. Văn không nêu chữ “sách” nghĩa là “đòi”, dựa vào lời thỉnh nêu ý đòi xe mà thôi!

Có người nói: Nhị thừa đòi xe, Bồ-tát không đòi, nêu mười vấn

nạn khó:

1. Hàng nhị thừa vượt ngoài tam giới đến chỗ hứa cho xe mà đòi xe (dụ cho quả). Bồ-tát chưa đến chỗ hứa, sao bỗng xin xe?

2. Kinh Đại thừa không có Bồ-tát đòi quả Tiểu thừa, cho nên biết không đòi.

3. Sở hóa Bồ-tát từ sơ phát tâm cuối cùng đến Bồ xứ, đều là phàm phu chưa ra khỏi ba cõi, nghĩa là không đòi. Năng hóa Bồ-tát ba mươi ba tâm, Kiến hoặc khuynh đảo, Tư hoặc chưa hết. Ba mươi bốn tâm tức là Phật, Phật còn theo ai nữa mà đòi?

4. Nhị thừa quả tại chánh sử môn ngoại, Phật quả tại tập khí vô tri môn ngoại. Hàng nhị thừa đoạn tận chánh sử, không thấy xe, thế nên đòi, Bồ-tát chưa đoạn tập khí cùng vô tri, sao bỗng đòi?

5. Nêu rõ hai tức là phương tiện, thì có thể nói đòi. Văn nói: “Chỉ một sự này là thật, còn có hai tức chẳng phải chân” lấy đây mà suy thì chỉ có hai thì mới đòi, một thì không đòi.

6. Từ kinh Đại Phẩm về sau cho đến Pháp Hoa về trước, Phật nhân Phật quả đều là phương tiện. Giao phó gia tài cho cùng tử, đây là trân bảo, đều phải là phương tiện. Nếu giao phó gia tài là chân thật, thì trong kinh Đại Phẩm v.v... nêu Phật thừa. Đã là chân thật thì sao bỗng đòi nữa?

7. Kệ phẩm Phương Tiện trình bày xưa thuyết Tiểu là phương tiện, không ghi chép Đại là phương tiện, nên biết Phật tử Đại thừa chẳng phương tiện, sao bỗng có đòi?

8. Nếu ba hạng người đòi, thì sao không lãnh giải? Vì không lãnh giải, cho nên biết là không đòi.

9. Cùng ban xe. Văn nói: “thấy các chúng sinh vượt thoát khổ tam giới được vui Niết-bàn, cho nên ban cho Đại thừa”. Bồ-tát không chứng Niết-bàn, sao bỗng đòi?

10. Các con ngồi yên cho nên theo cha xin, hàng nhị thừa quả mãn không tu hành, cho nên ngồi yên có thể có đòi được. Bồ-tát thì hạnh chưa dứt, không ngồi yên, sao bỗng đòi? Nay riêng dùng Tổng, Biệt để chuyên chở. Đòi là tên khác của cầu thỉnh, tại ý thì gọi là cầu đòi, tại miệng thì gọi là đòi thỉnh, tại thân thì gọi là đòi xin. Như người ngu tối cầu biết, người đói xin ăn, như người mê hỏi đạo. Phàm ở chỗ không thông đạt, thì sao có lý không đòi? Do có đòi cho nên ban cho, ban cho cho nên hoan hỷ, nay văn có đủ thỉnh và hoan hỷ.

Trong phần Pháp thuyết, trong chúng một ngàn hai trăm người thì Thân-tử làm đầu, ân cần thưa thỉnh ba phen, trong chúng Bồ-tát thì ngài

Di-lặc làm đầu. Con từ khẩu Phật sinh thì số rất lớn, có đến tám vạn, chắp tay dùng tâm cung kính muốn nghe đạo đầy đủ. Ban đầu của phần Thí thuyết thì Thân-tử vì hạng trung căn mà thỉnh. Lại, tổng thì vì bốn chúng mà thỉnh, riêng vì hàng hạ căn mà thỉnh. Văn nói: “Lành thay Thế Tôn! Nguyên xin vì bốn chúng mà thuyết nhân duyên kia”. Pháp thuyết nói rằng: “Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh, đâu đáng không nói”. Thí thuyết nói: “Nên dùng thí dụ làm rõ nghĩa này”. Nhân duyên nói: “Ta và các ông có nhân duyên đời trước, ta nay sẽ nói”. Cuối phần Pháp thuyết thì Thân-tử hoan hỷ. Nói Thí dụ xong thì Ca-diếp hoan hỷ. Nói túc thế nhân duyên xong thì Phú-lâu-na hoan hỷ. Lại hợp thí văn nói: Khiến cho các con kiếp số ngày đêm thường được cưỡi xe đạo chơi. Cho các Bồ-tát cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng. Do vui nên biết có cho, có cho nên có thỉnh. Cả ba vòng ba nghĩa sáng tỏ văn rõ ràng, vì sao thiên nói hai thì đòi một thì không đòi, Biệt chuyên chở một kia? Vì Tề Tam tạng nêu Bồ-tát không đoạn Hoặc, y Pháp Hoa có bốn câu: Nghĩa là chướng trừ đại cơ động, chướng chưa trừ đại cơ động, cơ động thì biết cầu xin.

Vấn nạn thứ hai nói: Kinh Đại thừa không có Bồ-tát đòi quả Tiểu thừa. Đại Phẩm nói: người tam thừa đồng dùng đạo vô ngôn thuyết, đoạn phiền não, nhập Niết-bàn. Đoạn phiền não nhập Niết-bàn đã đồng, vì sao không đòi?

Vấn nạn thứ ba: Ba mươi ba tâm gọi là Bồ-tát. Ba mươi bốn tâm đoạn tận Tư hoặc, tức thành Phật, Phật thì theo ai nữa mà đòi? Đây cũng như nghĩa Tam tạng, thấy chướng chưa trừ mà đại cơ còn động, hướng chi ba mươi ba tâm mà không động? Động, thì biết là đòi.

Vấn nạn thứ tư nói: Bồ-tát chưa đoạn tập khí vô tri, thì không nên đòi. Nếu đoạn tận thì thành Phật, mà Phật thì đòi ai? Đây là nghĩa Tam thừa Thông giáo, đủ trói buộc chướng tồn tại mà đại cơ còn động, hướng chi tập khí còn sót lại mà không động ư?

Vấn nạn thứ năm nói: Chỉ một sự này thật, “thật” tức là chân, sao bỗng lại cầu xin? Hiểu được dứt đối đãi là duy nhất, ngoài một lại không có pháp. Xưa thì đối đãi với hai là duy nhất, tức ngoài một lại có pháp. “Nhất” danh đồng mà thể khác, như kẻ trong tối nhìn thấy mảnh sành, mắt cá mà cho là bóng trăng dạ quang. Đã ngu như thế đâu thể không cầu xin trí tuệ?

Vấn nạn thứ sáu nói: Bát-nhã về sau cho đến Pháp Hoa về trước, thì cùng giao phó tài pháp đồng, không nên có đòi? Ông không nghe Cộng, Bất cộng Bát-nhã? Bất cộng thì không cần xin, Cộng thì cần

xin.

Vấn nạn thứ bảy nói: Đầu phẩm Phương Tiện nói: “Xưa thuyết Tiểu là phương tiện mà không nói xưa thuyết Đại là phương tiện”. Vì Đại không phải phương tiện, nên không đòi. Ông không nghe trong phẩm Thọ Lượng nói: “Ta lúc trẻ xuất gia chứng đắc Tam-bồ-đề, cho đến trung gian hoặc Tiểu hoặc Đại hoặc nói việc mình hoặc nói việc người khác đều là phương tiện của ta. Chư Phật cũng như vậy”, đâu được không đòi.

Vấn nạn thứ tám nói: Nếu Bồ-tát đòi, thì Bồ-tát phải lãnh giải (hiểu biết), mà đã không lãnh giải, cho nên biết là không đòi. Ông không nghe “pháp thuyết xong thì thiên long tứ chúng đều lãnh giải”, kia chẳng phải Bồ-tát thì gọi là gì? Lại trong phẩm Pháp Sư nói: “Hàng tam thừa đều được thọ ký”. Nếu không lãnh giải, thì sao bỗng thọ ký?

Vấn nạn thứ chín nói: Vượt thoát khổ tam giới, được vui an ổn mới ban cho, mới có đòi. Bồ-tát chưa thoát, chưa chứng nên không đòi, cũng là nghĩa của Tam tạng đó thôi!

Vấn nạn thứ mười nói: Các con ngồi yên vậy mới ban cho xe. Hàng nhị thừa hành dứt, mới gọi là an tọa. Bồ-tát hành chưa dứt, nên chẳng an tọa, sao bỗng xin xe? Đây cũng là nghĩa trước đó thôi! Tự có hành dứt mới đòi, hành chưa dứt cũng đòi. Lại, Bồ-tát hành các hạnh, tức là vận chuyển các thừa. Thừa do đòi mà có được, sao nói là không đòi?

Bởi xem các điều xảo biện nêu trên liên quan đến Tam tạng, cho nên lập mười vấn nạn này. Các cái nhìn thiển cận chỉ thấy một đốm, đều chẳng phải là đại thể. Vì vậy nay sẽ phân biệt thuyết: Tự có không đoạn Hoặc, không đòi xe, là Tam tạng Bồ-tát. Tự có đoạn Hoặc, đòi xe, là Thông giáo Bồ-tát. Tự có cũng đoạn Hoặc cũng không đoạn Hoặc, cũng đòi cũng không đòi, là Biệt giáo Bồ-tát. Tự có chẳng đoạn Hoặc chẳng đòi chẳng không đòi, là Viên giáo Bồ-tát. Lại, trải qua năm vị: Nhũ vị có hai ý:

1. Cũng đoạn cũng không đoạn cũng đòi cũng không đòi.

2. Chẳng đoạn chẳng không đoạn, chẳng đòi chẳng không đòi.

Lạc vị có một ý: Là không đoạn không đòi. Sinh tô đầy đủ bốn ý, Thục tô chỉ có ba ý, Đề-hồ một ý. Cương lĩnh rộng lớn, thâm tóm tất cả nghĩa kia như đây. Trong mỗi một câu mỗi một ý đều bao trùm bốn câu: nghĩa là chướng trừ, cơ động, chướng chưa trừ, cơ động, chướng cũng trừ cũng chưa trừ, cơ động, chướng chẳng trừ chẳng không trừ, cơ động. Tông này không kiến chấp một chẳng phải ba, rất đáng thương xót. Người đời

chấp số lượng xe không đồng, nói thể của xe không đồng, hoặc nói ban đầu thuyết (tam) ba xe, sau hợp hai qui một, hoặc nói ban đầu thuyết có ba, sau hợp ba qui về một, hoặc nói ban đầu thuyết có bốn, sau hợp ba qui về một. Do đó nên lấy ở trong kinh chớ tin người nói. Văn đây dẫn đức Phật xưa vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp Tứ đế, vì hàng Duyên giác thuyết mười hai nhân duyên, vì Bồ-tát thuyết lục Ba-la-mật pháp, nay Phật thuyết số lượng ba cũng như đây. Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ tám nói: Đức Phật vì hạng hạ căn thấp kém, chán thế gian muốn ẩn thân, mà dạy đạo Thanh Văn, vì hàng độn căn ưa Duyên giác mà thuyết Duyên giác đạo, vì hàng lợi căn có từ bi mà thuyết Bồ-tát đạo, vì hạng vô thượng ưa Đại sự mà thuyết vô lượng Phật pháp. Quyển ba mươi sáu lại nói: Ba pháp giải thoát mở ra Thanh văn thừa, pháp Vô tránh mở ra Duyên giác thừa, Lục độ tứ nhiếp pháp mở ra Đại thừa, Tri nhất thiết pháp mở ra Phật thừa. Lại, Địa thứ chín nói tướng Thanh văn thừa, tướng Bích-chi-phật thừa, tướng Bồ-tát thừa, tướng Như Lai thừa. Địa luận giải thích địa thứ hai, coi mười điều bất thiện là nguyên nhân rơi vào ba đường, mười điều thiện là nguyên nhân sinh trên cõi trời. Mười điều thiện trên cùng Tứ đế quán trí, hợp thành Thanh văn. Lại, mười điều thiện trên và không nghe từ người khác, quán trí, hợp thành Duyên giác. Lại, mười điều thiện trên và cụ túc thanh tịnh quán trí, hợp thành Bồ-tát địa. Lại thượng thượng thập thiện và nhất thiết chủng nhất thiết Phật pháp, hợp thành Phật.

Kinh Anh Lạc quyển mười ba nói: Chư Phật mười phương thuyết tam thừa, trong mỗi một thừa lại mở ra ba, hợp thành chín thừa. Chín thừa đều hội nhập đại bi bình đẳng. Thánh thuyết như thế, không nên dung thông, xen lẫn nhau thì chẳng phải phi pháp hủy hoại người, lỗi chẳng lớn ư? Nay căn cứ vào giáo mà phân biệt: Nếu nói tam thừa pháp môn là khác mà chân đế đồng, thì là Tam tạng giáo. Nếu nói pháp môn của tam thừa đồng, chân đế cũng đồng, thì là Thông giáo. Nếu nói tam thừa, ba lần ba là chín thừa, nếu nói tứ thừa cạn sâu giai cấp mỗi mỗi đều không đồng, mà đồng nhập đại bi bình đẳng, thì là Biệt giáo. Nếu nói ba thừa, chín thừa, bốn thừa, mỗi mỗi đều bình đẳng với đại tuệ tương ứng không hai không khác, thì là Viên giáo. Lại, trải qua ngũ vị phân biệt: Nhữ vị, chỉ nêu Bồ-tát thừa Phật thừa. Lạc vị, chỉ nêu khác tam thừa. Sinh tô vị, nêu đủ tam thừa tứ thừa cửu thừa, mỗi mỗi có phần hạn riêng không lẫn lộn nhau, Thục tô vị, chỉ trừ khác tam thừa, ngoài ra như Sinh tô. Trong Đề-hồ thuần thuyết Phật thừa, không còn thừa khác. Nếu biết được ý này, thì có thuyết khác cũng không ngăn

ngại, còn không biết thì chỉ tăng thêm sự tranh luận mà thôi! Người đời nói Phật thừa, thể thừa có khác. Ngài Quang Trạch chọn Phật quả cứu cánh, hai trí là Tận trí và Vô sinh trí làm thể của xe, vượt xuất ngoài năm trăm do tuần đối với xưa gọi là “cao”, đủ bao hàm vạn đức đối xưa gọi là “rộng”. Lại, trang nghiêm thủ nhân tổng nhiếp vạn hạnh làm thể, thượng cầu là “cao”, hạ hóa là “rộng”. Xưa không chọn công đức, vì công đức cùng đồng với phàm phu, chỉ chọn trí tuệ làm thể. Xưa lại chọn phước tuệ cùng làm thể. Văn nói: Thừa là ba xe. Dùng vô lậu căn lực, giác đạo thiền định giải thoát Tam-muội, mà tự vui thú, đâu chỉ riêng có trí tuệ ư? Lại, khi thì chọn “Hữu giải” làm thể “Không giải” không động cho nên không chọn, Tận trí và Vô sinh trí, tức Hữu giải. Lại, khi thì Tiểu thừa chọn “Không tuệ” làm thể. Văn nói: “Chúng ta từ lâu tu tập pháp không”... Đại thừa cũng dùng thật tuệ phương tiện làm thể của xe. Thể xe dụ cho hữu, vì hữu nên có vận động. Nay cho rằng các sư giải thích thể của Phật thừa mà đua nhau phỏng đoán, thì có khác gì những người mù sờ voi tranh luận đuôi hoặc ngà voi... Theo Ngài Thiên Thai Trí Giả thì thật tướng các pháp, chính là thể của xe, hết thấy các thứ bảo vật trang sức đều là những vật trang nghiêm. Cho đến trong văn “ban cho xe” được giải thích rằng: Xưa giải thích xe nhỏ Tiểu quả, quả có hữu vi vô vi công đức, chính chọn hữu vi để dụ xe vận chuyển, vận chuyển nhập vô dư, trong quả hữu vi có đủ phước tuệ, lấy tuệ làm chánh, phước là phụ thuộc cụ độ (đầy đủ độ). Tuệ kia có mười mà, tám trí thì thông nhân quả, còn hai trí là Tận trí và Vô sinh trí thì chỉ là quả vị, cho nên chọn hai trí này để dụ quả xe. Vì nghĩa ấy, cho nên xe ở ngoài cửa. Nếu y Đại Phẩm thì nói: Xe ấy từ tam giới xuất, đến trú trong Tát-bà-nhã. Nếu khi chưa xuất, thì đã cưỡi xe ấy tranh nhau ra khỏi nhà lửa, vì sao lại nói xe ở ngoài cửa? Nếu trước xe đã ở ngoài cửa, thì nhờ cái gì mà ra? Chỉ vì thừa thì thông nhân quả, ba mươi bảy phẩm đoạn Kiến Tư hoặc đều là nhân thừa, Tận trí và Vô sinh trí đều gọi là quả thừa. Chủ yếu do ở nhân thừa đoạn trừ Hoặc tận, mới được quả thừa Tận trí và Vô sinh trí, cho nên nói xe ở ngoài cửa. Chỉ vì quả là chính, nhân là phụ, căn cứ vào quả nên nói xe ở ngoài cửa. Nếu bên trong tu nhân đoạn Kết (phiền não), có nghĩa là vận chuyển, nên gọi là “thừa”, thì quả bên ngoài chẳng có nghĩa vận chuyển, sao được gọi là “thừa”? Quả thì không có vận chuyển đoạn Hoặc, chủ yếu dùng Tận trí và Vô sinh trí nhập Vô dư Niết-bàn, mới là vận chuyển tốt. Nếu thừa từ nhân đến quả, thì ý gì mới lại đòi xe? Người xưa nói: có căn cơ đòi, và tình thức đòi. Căn cơ đòi, thì có thể hiểu. Tình thức đòi: Phật thuyết giáo

Tận Vô sinh, La-hán chứng quả này, rồi dùng thần thông thiên nhãn thử quán đời vị lai thì thấy còn biến dịch sinh tử rõ ràng, cho nên tự nghi chỗ chứng đắc Tận Vô sinh. Nếu thật vô sinh, thì làm sao thấy có? Như sự rõ ràng ấy thì xưa chẳng phải cứu cánh, trong tình theo Phật mà đòi điều mà trước kia Phật đã hứa cho, đó gọi là vì tình xin. Nếu tìm văn kinh, thì văn không có câu nói này. Nếu tìm nghĩa đời, thì nghĩa không đúng vậy. Văn không có, nên có thể hiểu suy tìm ở văn dưới rằng: “Tự nơi mình sở đắc sinh tưởng diệt độ”. Đã dùng thiên nhãn thấy có sinh tử, vì sao lại khởi tưởng diệt độ? Đây là tự tưởng mâu thuẫn. Lại nữa, sau khi đức Phật diệt độ A-la-hán không gặp các Phật khác, thì không thể quyết liễu. Đã tự dùng thiên nhãn soi thấy sinh tử, thì đâu cần gặp Phật mới quyết liễu?! Lại, thiên nhãn của hàng Sơ thiên còn không thấy Nhị thiên, huống chi thấy Biến dịch. Thế thì trái ngược với Nhiếp Đại Thừa. Lại, La-hán đắc vô lậu nghiệp, dùng thiên nhãn thấy Biến dịch sinh tử quả báo đời vị lai, mà có người tu ngũ giới thập thiện có thể tự thấy quả báo vị lai kia. Nên biết quả báo ngoại giới đâu phải do thiên nhãn thấy? Không nên dùng đây để phán xét các yêu sách theo tình thức. Nay nói các yêu sách theo tình thức là: Ngày xưa y giáo cho rằng tận Vô sinh nhập Vô dư, nhưng ở trong thời Phương Đẳng thấy Bồ-tát bất tư nghì nghe Tịnh Danh bài xích. Nếu điều ta chứng đắc là thật, thì Đại Sĩ không nên gạt bỏ. Nếu ngã chẳng phải thật, thì Phật không nên thuyết chân. Cho nên nói mờ mịt không biết gì. Đến trong Đại Phẩm lĩnh hội Đại pháp, nghe điều này vui mừng tâm Đại thừa sinh khởi, mới muốn tiến tu Đại thừa mà không thể biết đắc cùng không đắc. Những điều này đều là nghĩa theo tình thức đã đòi Đại thừa. Cho nên, Thân-tử lãnh giải nêu lên nghi tình ngày xưa, thấy các Bồ-tát được thọ ký làm Phật, còn mình thì không can dự việc này. Than ôi! Tự trách, muốn đem hỏi Thế Tôn là “mất hay không mất?”, tức là chỉ xưa trong thời Phương Đẳng đã có yêu sách theo tình thức. Nay thêm miệng cầu xin, tức nhân nghe các bài kệ đầu của Phẩm Phương Tiện, lược nghe Phật thuyết thấy đều là Phương tiện, tức còn chấp phương tiện này, nghi xưa chưa rõ ráo, cho nên nói: “Ta nay không biết nghĩa ấy về đâu?”. Động nghi tình xưa kia, cho nên thốt lên ba phen thỉnh, cầu đòi điều thật mà Phật đã thuyết khi xưa. Vì căn cơ Đại thừa nên tình cầu đòi điều thật trước đây. Lại tình cầu Đại thừa, miệng hỏi pháp thật xưa, tức Lục độ Thông giáo theo lệ thường mà thôi!

Từ “Xá-lợi-phất! Khi đó...” trở xuống là phần thứ ba: Đồng ban xe lớn cho các con. Có hai chương, hai phần nói rộng, hai phần giải

thích:

1. Con bình đẳng.
2. Xe bình đẳng.

Vì con bình đẳng, cho nên tâm bình đẳng, dụ cho tất cả chúng sinh đồng có Phật tánh, Phật tánh đồng, cho nên đồng là con. Xe bình đẳng, do pháp bình đẳng cho nên không gì chẳng phải là Phật pháp, thí như tất cả pháp đều là Ma-ha-diễn. Ma-ha-diễn đồng, cho nên đồng là xe lớn. Nói: “đều ban cho”, là xưa đều tùy theo tu tập Tứ đế, Lục độ, vô lượng các pháp, xưa đều huân tập khai thị chân thật. Xưa huân tập không đồng, cho nên nói “đều”. Đều là Đại thừa (Ma-ha-diễn), cho nên nói “xe lớn”.

Từ câu: “Xe kia cao rộng” trở xuống, là phần nói rộng có hai:

1. Rộng nêu thể của xe.
2. Giải thích nguyên do có xe.

Trong phần Thể của xe trước hết trình bày cao rộng, tiếp nêu xe trâu trắng, sau nêu có tôi tớ hầu hạ. Giả danh “xe có tướng cao rộng”, ví như tri kiến Như Lai sâu xa, ngang thì khắp pháp giới là biên tế, dọc thì thấu triệt cùng nguồn tốt đáy tam đế, cho nên nói “cao rộng”; “trang sức bằng các thứ châu báu” dụ cho vạn hạnh trang điểm; “lan can bao quanh” dụ cho tổng trì giữ gìn vạn điều thiện, ngăn ngừa các điều ác; “bốn phía treo chuông” dụ cho dùng bốn biện tài để giáo hóa chúng sinh; “dùng màn lọng giăng che” dụ cho tứ vô lượng tâm, trong các đức từ bi là tối cao bao phủ tất cả; “dùng đồ báu đẹp tốt kỳ lạ mà trang sức” dụ cho vạn điều thiện chân thật trang sức từ bi này. Đại Kinh nói: “Tâm Từ nếu đầy đủ Thập lực, Vô úy, thì gọi là Như Lai từ, trong tâm từ hành bố thí...” “dây bằng báu kết” dụ cho tứ hoằng thệ nguyện kiên cố đại từ tâm, “các dải hoa rữ xuống” là dụ tứ nhiếp thần thông... làm vui lòng cảm động chúng sinh, cũng dụ cho bảy giác vi diệu tươi đẹp, “nệm chiếu mềm mại trải chông” dụ cho quán luyện huân tu, tất cả các thiện thứ lớp tiếp nhau uyển chuyển, “gối đỡ để trên”, xe nếu vận chuyển đến đâu thì gối đỡ cũng theo đến đó, là dụ cho tức động mà tịnh, tức tịnh mà động. Trong xe có “gối” để cho đầu thân dựa vào nghỉ ngơi, là dụ cho Nhất hạnh Tam-muội là chỗ dựa để nghỉ ngơi của Nhất thiết trí Nhất thiết hạnh, “Đỏ” tức là ánh sáng đỏ, là dụ pháp vô phân biệt, “dùng trâu trắng kéo” là dụ trí vô lậu Bát-nhã năng dẫn dắt để duyên qua hết thủy vạn hạnh đến Tát-bà-nhã, “Trắng” là màu gốc, tức cùng bản tịnh vô lậu tương ứng. Thể đầy đủ vạn đức ví như “đầy đà”, không bị phiền não làm ô nhiễm như “sắc sạch”. Lại, Tứ niệm xứ làm Trâu

trắng, trong Tứ chánh cần thì hai pháp thiện thế gian đầy đủ ví như “đầy đà”, hai ác thế gian tận, ví như “sắc sạch”. Tứ như ý túc xứng với tâm của hành giả, ví như “thân hình đẹp đẽ”, “Có cân lực lớn”: “Cân” dụ cho ngũ căn trụ lập nghĩa năng sinh, “lực” dụ cho nghĩa ngũ lực hàng phục và có tài năng hữu dụng. “Bước đi chững chạc” dụ cho định tuệ quân bình, lại dụ bảy giác chi điều hòa quân bình, “phóng nhanh như gió” dụ cho hành trong bát chánh đạo thì nhanh chóng đến Tát bà nhã. “Đông tôi tớ” dụ cho những phương tiện Ba-la-mật năng khuất phục uyển chuyển, “theo người hầu hạ để cho người sai khiến” dụ cho các ma ngoại đạo nhị thừa hành Tiểu thừa, đều tùy phương tiện trí dụng. Kinh Tịnh Danh nói: “Đều theo hầu ta”. Lại, quả địa thần thông vận dụng sai khiến tùy ý, tức là “tôi tớ theo hầu”.

Tiếp “Vì có sao?” trở xuống, giải thích nguyên do có xe. Do gia tài giàu có, kho đụn đầy ngập, là dụ cho quả địa phước tuệ viên mãn, gọi là “giàu có vô lượng, các thứ kho tàng đều đầy ngập”. Hành, chứa Lý, tất cả pháp hướng đến Đàn Ba-la-mật, Thi la Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật hướng đến không lỗi lầm, đó là căn cứ Hạnh nêu Như Lai tạng. Tất cả pháp hướng đến ấm, nhập, giới, căn, trần... là hướng đến không lỗi lầm, tức là căn cứ Lý nêu Như Lai tạng. Tự hành nơi Hạnh Lý này, gọi là “đầy”, giáo hóa chúng sinh gọi là “ngập”, Thật trí đầy đủ gọi là “đầy” quyền trí dụng gọi là “ngập”. Nhập trung đạo gọi là “đầy”, song chiếu cho nên gọi là “ngập”. Chẳng những nhiều kho tàng lại đều đầy ngập pháp nào chẳng là Ma-ha-diễn? Cho nên Đại thừa vô lượng.

Từ “Ông nghĩ rằng” trở xuống, tức phần nói rộng về tâm bình đẳng. Văn có hai:

1. Tâm rộng lớn bình đẳng.
2. Giải thích.

Tâm rộng lớn bình đẳng, ấy là giàu có vô lượng, đối với các con không thiên vị, cho nên gọi là tâm bình đẳng. Nếu cha giàu mà chúng không phải con, hoặc là con mà cha nghèo thì không bình đẳng được. Nay vô số xe lớn bằng bảy báu, hoặc Giáo hoặc Hạnh đều là Ma-ha-diễn, tức tài của nhiều. “đều cho chúng nó, chẳng nên sai biệt”, không thay đổi bản tập mà chỉ bày chân thật, như Thân-tử nhờ trí tuệ mà khai mở tri kiến Phật, đầy đủ tất cả Phật pháp, Mục-liên nhờ thiền định mà khai tri kiến Phật, đầy đủ tất cả Phật pháp. Các người khác cũng vậy. Lại Phương Đẳng Bát-nhã, Niệm xứ, Chánh cần, Căn, Lực, Giác, Đạo, các tên khác nhau nhưng đều khai thị thật tướng. Khắp tất cả pháp cũng như vậy, cho nên nói “vô lượng”.

Từ “Vì sao...” trở xuống, giải thích hai nghĩa bình đẳng: Ban đầu, giải thích “tài vật nhiều có thể chu cấp cho người khắp cả nước hưởng chi chỉ các con”, là dụ cho nhân Đại Viên Giác khắp bao trùm thiện ác hưởng chi tri kiến Phật! Tiếp đến, giải thích các con bình đẳng: không phải con mà còn cho đủ hưởng chi là con! Dụ cho đối với chúng sinh vô duyên mà Phật còn độ, hưởng chi là Phật tử có duyên! Theo văn có thể biết.

Từ “Lúc ấy các người con đều ngồi xe lớn” trở xuống, là phần thứ tư: các con vui mừng vừa ý. Dụ cho trên nói “thọ hành ngộ nhập”, vốn cầu mong xe dê, xe hưu, xe trâu nước mong ra khỏi Phần đoạn sinh tử. Nay được xe trâu trắng, ra khỏi hẳn Biển dịch sinh tử, vượt quá sự mong muốn xưa, đâu không hoan hỷ?!

Từ “Ý ông nghĩ sao?” trở xuống, là phần thứ tư: không hư dối, dụ Pháp vương không hư vọng. Văn chia làm ba phần: 1. Hỏi. 2. Đáp. 3. Thuật lại khen ngợi.

Phần một: Hỏi như văn. Từ “Xá-lợi-phất thưa” trở xuống, là phần hai: Đáp, có hai phần:

1. Vì thoát nạn, nên không dối. Cũng gọi là dùng trọng bỏ khinh, nên không dối.

2. Không trái bản tâm không dối gạt, cũng gọi là vượt quá điều mà chúng trông mong, nên không dối.

Mỗi phần lại chia làm ba:

1. Nêu chương.

2. Giải thích.

3. So sánh, kết.

Đây là phần một: Nêu khỏi nạn, như văn. Từ “Vì sao” trở xuống, là giải thích: mạng trọng thân khinh, toàn thân khỏi lửa rồi được đại bảo vật. Cứu mạng là trọng, đâu có dối. Kết: khỏi lửa tám khổ, toàn thân năm phần đã là đại bảo, hưởng chi ở chỗ hai vạn đức Phật đắc Đại thừa tuệ mạng viên nhân thành tựu, khai Phật tri kiến, đâu thể là dối gạt. Từ “Thế Tôn! Dù ông tưởng giả” trở xuống ban đầu nêu không trái bản tâm, vốn biết không có ba, ý muốn cho không phỉ báng. Đã không phỉ báng, nên không trái bản tâm. Giải thích rằng: Vốn biết không Tiểu thừa ý muốn cho không phỉ báng để khỏi đọa vào đường ác. Đã không có cái nhân phỉ báng, thì không có quả rơi vào đường ác. Không cho xe nhỏ cũng không trái với ý muốn xưa. Kết luận: “Tự biết của cải nhiều vô lượng, muốn lợi ích cho các con nên đồng ban cho một thứ xe lớn” vượt quá sự trông mong trước, cho nên không dối. Kết chương trước nói:

“Phương tiện cứu giúp”, dụ cho Đoạn đức thần thông lực. Kết chương sau nói: “Tài phú vô lượng” dụ cho Trí đức biện thuyết lực. Trước là, các con bình đẳng nên không đối gạt, sau là, các tài vật bình đẳng nên không đối gạt.

Từ “Phật bảo Xá-lợi-phất” là phần ba: Thuật lại khen ngợi. Văn chia làm hai phần:

1. Thuật lại.
2. Hợp thí.

Đây là phần một: Thuật lại. “Hay thay!” là thuật lại hai việc không đối kia. Hỏi: Đức Phật vì sao không tự nói việc đó là không đối? Đáp: Đức Phật hứa ba mà cho một, tự nói là không đối thì khó. Thân-tử nói việc đó không đối, vì tin nên dễ. Từ “Xá-lợi-phất Như Lai cũng lại như vậy” trở xuống là phần hai: Hợp thí. Ngài Quang Trạch khai mười thí dụ, chỉ hợp có bảy còn ba không hợp. Trong bảy, chính hợp có năm, và nghĩa thứ năm thứ tám, không hợp với thứ bảy thứ chín. Cho nên biết mười thí dụ tuy nhiều mà không hội chung. Nay hợp hai thí dụ Tổng và Biệt.

Phần (1): Hợp Tổng thí, có sáu: Nay văn đều hợp chung các phần nhỏ, không thứ lớp. Nay câu đầu, nghĩa thứ nhất hợp với nghĩa thứ nhất bên trên. Trên nói danh, hạnh, vị, hiệu, đức nghiệp của Trưởng giả hợp nói Như Lai cũng lại như vậy. Trước hợp vị hiệu, Như Lai vô lượng đức hiệu, lược nêu mười nghĩa như trên nói, “tất cả thế gian” là đem nơi chốn để định danh hạnh, trên nói: “quốc ấp tụ lạc”, thẳng hợp nói “tất cả thế gian” tức chỉ chung tự thể cõi Đồng cư Hữu dư, đều là chỗ quả báo diệu sắc diệu tâm. Như Lai biến ứng ba chỗ, tức tất cả thế gian, hợp trên là quốc ấp tụ lạc vậy. “Ở nơi các sự sợ hãi...” là hợp trên tán thán đức trong ngoài của Trưởng giả. Trong là tuổi cao suy yếu, hiểu biết thấu đạt thì nhiều, dụ cho Như Lai trí đoạn. “Đối với các sự sợ hãi, vô minh hết hẳn không còn thừa”, hợp trên nói suy yếu, hiển bày Đoạn đức. “Thành tựu vô lượng tri kiến”, hợp với tuổi cao kia, hiển bày Trí đức. “Trí lực, vô sở úy...” hợp trên ngoại đức, giàu có vô lượng. “Thần lực” là tu sâu thiền định có thể đắc thần thông, hợp trên nói ruộng nương. “Trí tuệ lực” có trí ắt có chiếu cảnh, như chỗ của thân nương nhờ, hợp với trên nói Nhà. “Đầy đủ phương tiện Ba-la-mật” hợp trên nói “các người tôi tớ”. Từ “Đại từ đại bi” trở xuống, là câu thứ hai hợp với nghĩa thứ tư trên, từ bi là gốc bố thí giáo hóa. “Tất cả” là năm đường. Hằng vì từ bi cứu giúp, hợp với trên năm trăm người. “Mà sinh vào nhà lửa...” là câu thứ ba hợp với nghĩa thứ hai trên, nói nhà ông trưởng giả. “Để độ chúng

sinh...” là câu thứ tư, hợp với nghĩa thứ sáu trên, chúng sinh có duyên thân cận được độ trước, hợp với ba mươi người con nói trên. “Sinh già bệnh chết...” là câu thứ năm hợp với nghĩa thứ sáu, dụ cho “bỗng nhiên lửa bốc cháy”. “Dạy bảo cho họ khiến đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác” là câu thứ sáu hợp với nghĩa thứ ba trên, giáo năng thuyết lý, tìm lý khởi hạnh, tức đắc Bồ-đề. Cho nên biết Giáo Lý cùng dụng, hợp trên dụ chỉ có một cửa. Nếu giảng thuyết khiến trước sau có thể hiểu, mà nhất nhất cứ phải đề cao phẩm Phương Tiện như là gốc cho các thí dụ để so sánh đối chiếu thì về sau bỏ cái lệ như vậy.

Phần (2): Từ “(Ta) Thấy các chúng sinh” trở xuống, là Hợp Biệt thí. Biệt thí có bốn: Đây hợp thí dụ thứ nhất thấy lửa, dụ có ba ý: văn kia có bốn hợp cũng bốn. Trong thí dụ thì sự sợ hãi ở trước, các con đắm ưa đùa giỡn ở sau. Trong phần hợp, thì “không kinh, không sợ” ở trước, “dứt khổ, ban vui” ở sau. Xen nhau mà hiện, biết việc đó không nhất định. Nay dùng một chữ “Thấy”, là câu thứ nhất hợp với nghĩa thứ nhất trên nói mắt năng thấy, tức là Như Lai tịch chiếu trí nhãn năng kiến. Từ “Các chúng sinh bị sinh tử” trở xuống, là câu thứ hai hợp với dụ thứ hai trên nói “thấy lửa từ bốn phía khởi lên”. Trong đây nói rõ tám khổ là lửa, bốn khổ như văn. Tham đắm truy tìm, tìm cầu không được cho nên khổ, sau thọ khổ địa ngục, trên trời nhân gian thì ngũ ấm khổ, ái ly, oán gặp thì khổ như văn, đây là tám khổ. Từ tứ đảo, là bốn phía lửa cháy lên. Từ “Chúng sinh đắm chìm trong đó” trở xuống, là câu thứ ba hợp với dụ thứ tư trên nói thấy cảnh “lửa cháy mà các con không hay, không biết”... Do không quán Khổ, Tập cho nên “không nhàm chán”, không quán Đạo, Diệt cho nên “không cầu giải thoát”, “dầu bị khổ nhiều vẫn không lo lắng”, hợp trên nói “tâm không nhàm lo, không có ý cầu ra khỏi”. Từ “Đức Phật thấy việc này rồi liền nghĩ rằng” trở xuống, là câu thứ tư hợp dụ thứ ba trên nói sinh “khởi kinh sợ”, hợp với ý trên: “ta dầu có thể ở nơi cửa của nhà cháy này ra ngoài rất an ổn”, “phải cứu chúng nó ra khỏi khổ nạn kia”, tức đại bi lực, “ban cho vô lượng sự an vui” tức đại từ lực. Từ “Đức Như Lai lại nghĩ” trở xuống, hợp với dụ thứ hai trên “bỏ ghế dùng xe”. Thí dụ trên thì có Khuyến có Giới, nay chỉ hợp Khuyến không hợp Giới. Trong phần Pháp thuyết cũng khuyến khích thiện mà không răn bảo ác. Cho nên khuyến tu là chánh, răn ác là phụ. Cũng là khuyến thiện tức là răn ác, răn ác tức là khuyến thiện. Nay hợp khuyến thiện, thì biết tức hợp răn ác.

Ở văn Khuyến bên trên có ba phần: dự định thích nghi, không căn cơ và thôi hóa độ. Phần Dự định thích nghi: ông Trưởng giả có thân tay,

vạt áo v.v... “Chỉ dùng thân lực”, hợp dụ trên nói lực của thân, “và trí tuệ lực” hợp dụ trên nói lực của tay. “Khen ngợi tri kiến Như Lai” hợp dụ vạt áo. “Lực vô sở úy” hợp dụ bàn ghế. Nếu như đức Phật ban đầu xuất hiện liền dùng các thứ như dự định này để độ chúng sinh, thì chúng không thể do đây được độ. Từ “Vì sao?” trở xuống, là giải thích không được độ, hợp dụ thứ hai ở trên: các con không chịu nhận lời khuyên. Chính do ngũ trước chướng nặng, “chưa tránh khỏi lửa sinh tử v.v...” thì không thể được vào Đại thừa vi diệu, cho nên vẫn nói: “làm sao có thể hiểu được trí tuệ Phật”. Một câu này hợp dụ trên nói “chỉ có một cửa mà lại hẹp nhỏ”, nhỏ cho nên không thể hiểu được trí tuệ Phật. Không thể hiểu trí tuệ Phật, tức hành làm ý môn. “Như trưởng giả kia, tuy thân và tay có sức mạnh mà không dùng”, hợp dụ thứ ba trên: buông bỏ lời dẫn dụ tốt, vì không căn cơ, nên thôi không giáo hóa, hoặc sẽ bị rơi vào lửa cháy. Văn đây không có danh từ: “buông bỏ”, nhưng trong thí dụ và trong văn làm cơ sở cho thí dụ, thì ý thôi hóa rất rõ ràng. Văn thôi hóa độ có hai: Một là ghi chép ba thí dụ trước và sau, Hai là chánh hợp thôi hóa. Ghi một thí dụ trước chánh ghi chép hợp với ý thôi hóa, ghi chép hai thí dụ sau phụ thêm thành ý thôi hóa. “Dầu thân và tay có sức mạnh mà chẳng dùng”, đây là ghi chép thí dụ bên trên: “tay thân cứu con không được”, để hợp với nghĩa thôi hóa độ. Đức Như Lai cũng thôi hóa Đại thừa. Từ “Chỉ ân cần phương tiện” trở xuống là ghi chép dụ cho ba xe. “Sau đều ban cho xe báu”... ghi chép thí dụ thứ ba trước đồng ban cho xe lớn: Từ “Đức Như Lai cũng lại như vậy” cho đến “mà chẳng dùng đến”, gồm mười sáu chữ trong bản Hán văn, chính hợp với ý thôi hóa thứ ba. Từ: “Chỉ dùng trí tuệ phương tiện” trở xuống, hợp dụ dùng xe cứu được. Văn trên có bốn, văn đây cũng chia làm bốn: “Chỉ dùng trí tuệ”... trở xuống, là hợp thứ nhất bên trên: dự định dùng ba xe. Từ “Vì chúng sinh thuyết tam thừa” trở xuống, hợp với ý thứ hai bên trên: biết tâm trước của các con. Từ “mà bảo rằng” trở xuống, hợp với ý thứ ba bên trên: tán thán ba xe hi hữu.

Trên có khuyến chuyển, thị chuyển, chứng chuyển, nay cũng hợp đủ nhưng không theo thứ tự. Thứ nhất, hợp thứ hai trên. “Các ông không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới...” là chỉ chỗ Tận trí và Vô sinh trí, “tam giới” là chỉ bày Khổ đế, “chớ tham đắm sắc... thô hèn” cho đến “sinh ái nhiễm” là chỉ bày Tập đế, “mau ra khỏi ba cõi” là chỉ bày diệt đạo, diệt đạo tức là chỉ bày ngoài tam giới có quả Tam thừa Trí Đạo, cho nên khiến họ mau ra khỏi ba cõi sẽ đắc tam thừa. Tam thừa chính lấy đạo diệt làm thể. “Ta nay vì các ông mà bảo đảm việc đó quyết không

hư dối” là câu thứ hai hợp với ý thứ ba bên trên, quyết cùng chứng đắc không hư dối. Từ “Lại bảo: “các ông nên biết...” trở xuống, là câu thứ ba hợp với ý thứ nhất trên, tán thán việc hiếm có. Tam thừa như đây là phương tiện của chư Phật, là nghi thức dẫn dắt chúng sinh cho nên được các bậc thánh khen ngợi, đặc Vô sinh trí gọi là “tự tại”, đặc Tận trí gọi là “không bị ràng buộc”. “Sự sinh ra ta đã tận, không còn bị thọ thân đời sau” gọi là “không còn nương tựa”, việc làm đã xong phạm hạnh đã lập, gọi là “không còn tìm cầu”. Từ “Nếu có chúng sinh nào trong có trí tánh” trở xuống, hợp với thí dụ thứ tư nói phù hợp sở nguyện của con. Trên có bốn địa vị Chân thật, Tương tự v.v... nay hợp cũng bốn, nhưng trên Tổng, đây Biệt. Tam thừa đều chia làm bốn, đều dẫn thí dụ trên đến nay ghi chép hợp. “Trong có trí tánh” tức xưa kia tu tập tam thừa và ưa muốn, trở thành trí tánh tam thừa cho nên đức Phật dạy giáo tam thừa. “Trong có trí” cho đến “theo Phật nghe pháp tín thọ”, là hợp dụ trên nói “nghe cha nói cho những đồ chơi tốt đẹp phù hợp sở nguyện của con”, hợp với Văn tuệ trên. “Ân cần” hợp trên nói “tâm đều mạnh mẽ” là Tư tuệ, “tinh tấn” hợp trên nói “xô đẩy”(suy bài). Suy là suy lý, bài là bài bác ác. Ác trừ cho nên “tinh”, lý sáng cho nên “tấn”, hợp với Tu tuệ bên trên. “Muốn mau ra khỏi”... hợp với trên “cùng đua nhau ruổi chạy”, “đó gọi là Thanh văn thừa” hợp với vị thứ tư bên trên: “tranh ra khỏi nhà lửa”. Tam thừa tu hành đều có bốn thứ này. Bích-chi-phật “cầu tự nhiên tuệ”, Bích chi là người hành theo pháp, là ít theo người khác nghe pháp, phần nhiều tự suy tìm nghĩa, cho nên chọn dụ như xe nai, nai không nương người. “Tự nhiên”, là từ cửa mười hai duyên mà vào, cửa này vốn tự có, chẳng phải do Phật hay trời người làm ra, cho nên gọi là “tự nhiên tuệ”, không do nghe từ người khác, gọi là “tự nhiên tuệ”. Bồ-tát gọi cửa đó là Nhất thiết trí, không đồng hàng nhị thừa thì mới là Phật trí. Bồ-tát mong tu nhân này, tức là ý xe lớn và vận chuyển.

Từ “Như trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa” trở xuống là hợp dụ thứ ba bên trên: đồng ban xe lớn. Văn trên có bốn nghĩa:

1. Thoát nạn.
2. Đòi xe.
3. Đồng ban cho.
4. Vui mừng.

Nay lược không hợp với nghĩa thứ hai và thứ tư, chỉ hợp nghĩa Thoát nạn có cả Đòi xin xe, và hợp nghĩa Đồng ban cho có cả Vui

mừng. Nay ghi chép hai dụ Thoát nạn và Ban xe, rồi sau hợp hai thí dụ. “Như trưởng giả kia” trở xuống, là ghi chép Thoát nạn. “Ông tự nghĩ: ta của giàu vô lượng” trở xuống, là ghi chép Đồng ban cho xe. Từ “Như Lai cũng như vậy” trở xuống, là hợp dụ Thoát nạn. “Cửa” có ba nghĩa: Nghĩa nhập, nghĩa xuất, nghĩa biệt. Nếu như ba cõi là nhà lớn rộng (trạch), ngũ ấm là quán trọ (xá), thì do mê sắc tâm mà nhập sắc tâm, tức là vào nhà mà sinh tử là cửa. Nếu xuất ra khỏi nhà là xuất khỏi ba cõi, thì theo Thông giáo của Phật, lấy sở thuyên làm cửa. Nếu nghĩa Biệt, thì theo Biệt giáo của Phật lấy sở thuyên làm cửa. Nay nói “cửa Phật giáo” chính là hai giáo: Tạng giáo và Thông giáo, mà Lý trong hai giáo đó cùng làm cửa để ra khỏi ba cõi mà thoát nạn. Từ “Bấy giờ đức Như Lai liền nghĩ” trở xuống, là hợp dụ đồng ban cho xe. Trên nói đồng ban xe thì trước là nêu hai chương môn.

1. Phần nói rộng.
2. Giải thích xuất ra.

Nay hợp thì lược bớt, vì văn ít nên không có thứ lớp. Từ “Đức Như Lai khi ấy liền nghĩ ta có vô lượng trí tuệ, lực” trở xuống, là câu thứ nhất hợp với ý thứ tư bên trên: nguyên do có xe. Trên nói: “của giàu có vô lượng các thứ kho tàng đều đầy ngập”. “Các chúng sinh này đều là con của ta” là câu thứ hai hợp với ý thứ năm trên, nói “tâm rộng rãi bình đẳng”, trên nói “của cải của ta nhiều vô cực, không nên dùng xe nhỏ xấu mà cho các con”. “Chẳng để có người được diệt độ riêng, đều đem pháp diệt độ của Như Lai mà cho chúng sinh diệt độ”, đâu chẳng hợp với nghĩa tâm bình đẳng? “Những chúng sinh đã thoát khỏi ba cõi đó”, là câu thứ ba hợp với chương môn thứ nhất trên nói tâm bình đẳng, trên nói: “đều đồng ban một thứ xe cho các con”. “Pháp thiện định giải thoát của chư Phật...” là câu thứ tư hợp với chương môn thứ hai: nêu xe. “Đều là một tướng một loại” là câu thứ năm hợp với ý thứ ba bên trên, chính là rộng nói về xe lớn, cùng hợp với nghĩa “cao rộng” bên trên cho đến “lại có đông tôi tớ theo hầu hạ”. “Một tướng” là thật tướng, tức là Pháp thân. “Một loại” là chủng trí, Bát-nhã năng sinh lạc tịnh diệu, “lạc” tức không còn khổ, gọi là Giải thoát. Tam đức cao rộng đầy đủ trang nghiêm, thu nạp các đức, gọi là Ma-ha-diễn, hợp dụ xe lớn bên trên. Từ “Như trưởng giả kia ban đầu dùng ba xe dẫn dụ con” trở xuống, hợp với thí dụ thứ tư không đối gạt bên trên. Phần đáp ở trên có hai:

1. Toàn thân mạng.
2. Không trái bản tâm.

Mỗi phần có ba ý. Nay chỉ hợp phần Không trái bản tâm bao gồm

đắc toàn thân. Vì sao bản ý của Phật là trừ ngã trước kia! Ngã trước đã tận, thì đại thiện tự đầy đủ.

Trên nói về Không trái bản tâm có ba ý:

1. Nêu.
2. Giải thích.
3. So sánh.

Nay chỉ hợp giải thích và hợp so sánh. Ban đầu nêu ba xe để dẫn dụ, sau ban cho xe lớn. Tiếp, hợp với “đức Như Lai ban đầu thuyết tam thừa dẫn dắt chúng sinh, rồi sau chỉ dùng Đại thừa mà độ thoát”, đây là hợp giải thích Không trái bản tâm, trên nói trưởng giả suy nghĩ ta nên dùng phương tiện khiến cho các con được ra khỏi. Từ “Vì sao?” trở xuống, hợp ý thứ ba trên, nói so sánh vượt ra khỏi không đối gạt, tức là “trưởng giả tự biết của giàu vô lượng muốn làm lợi lạc cho các con”, cho nên hứa ba cho một chẳng phải là đối gạt. Đây giải thích có chút ít sai khác đối với trước. Trước ý là khiến các con thoát ra được, ý không ở chỗ ba xe, đã ra khỏi mà không cho ba xe thì cũng chẳng phải đối gạt. Nay nêu rõ Như Lai xuất thế vốn muốn thuyết Đại, nhưng vì hàng tiểu trí ưa đắm ba cõi, cho nên dùng phương tiện dẫn dắt mới được ra khỏi, đã ra trở lại ban cho Đại thừa tức xứng hợp với bản tâm, cho nên nói “có thể ban pháp Đại thừa cho tất cả chúng sinh, chỉ vì chúng sinh không thọ được hết”. Nếu trong thời Hoa Nghiêm, thì có thể thọ, tức là ban cho Đại thừa không đợi khai một làm ba. Vì không thể thọ, cho nên “các đức Như Lai dùng sức phương tiện ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba”. Nói thành ba đó là do chúng sinh, chẳng phải bản ý của Phật. Cho nên, dùng đây để giải thích “Không trái bản tâm, không đối gạt” vậy.

